

Bản án số: 43/2022/DS-ST

Ngày: 10-8-2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Phú;
2. Bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Nương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 và ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 278/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2022, Thông báo chuyển ngày xét xử số 347/TB-TA ngày 21-7-2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1987; địa chỉ: Tổ 1, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Nguyễn Văn T ủy quyền cho ông Huỳnh Ngọc Á, sinh năm: 1975; địa chỉ: Số 943 đường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, theo Hợp đồng ủy quyền ngày 04-01-2022, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn C, sinh năm: 1965; địa chỉ: Tổ 6 (tổ 15 cũ), phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị M, sinh năm: 1966; địa chỉ: Tổ 6 (tổ 15 cũ), phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Văn T và ông Lê Văn C có mối quan hệ quen biết nên ngày 07/06/2020 ông Nguyễn Văn T cho ông Lê Văn C mượn của số tiền gốc

245.000.000 đồng để sử dụng vào việc kinh doanh mua, bán đất. Theo giấy mượn tiền, ông Lê Văn C thỏa thuận với ông T mức lãi suất là 2.500.000 đồng/tháng tương ứng 1,22%/tháng; thời gian mượn là 4 tháng (kể từ ngày 07/6/2020 đến ngày 07/10/2020); lãi suất được trả vào ngày 07 hàng tháng. Sau khi cho ông C mượn tiền, đến tháng trả lãi đầu tiên (ngày 07/7/2020), ông T liên lạc đề nghị ông C trả nợ lãi nhưng ông C hứa hẹn xin ông T cho ông C trả luôn vào tháng tiếp theo. Tiếp đến, mỗi lần đến hạn trả nợ lãi ông C đều thất hứa, không trả lãi và né tránh ông T. Đến nay, thời hạn vay đã hết và mặc dù ông T đã dùng mọi biện pháp tìm gặp tại nhà, liên lạc qua điện thoại để yêu cầu ông C phải trả nợ gốc, lãi nhưng ông C tìm mọi cách né tránh không trả nợ gốc, lãi cho ông T. Khi mượn tiền, ông Lê Văn C là người trực tiếp nhận tiền nhưng mục đích vay tiền của ông C là để mua, bán đất kiếm lời phục vụ lợi ích C cho gia đình nên ngày 07/01/2021 ông T đã có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi yêu cầu ông Lê Văn C và vợ là bà Lê Thị M phải trả nợ cho ông T nhưng Tòa án chưa thụ lý vụ án, do ông C nhiều lần xin ông T cho ông thêm thời gian trả nợ nên ông T đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, đến nay đã gần 01 năm vợ chồng ông C vẫn tiếp tục dây dưa mà không chịu trả nợ cho ông Nguyễn Văn T.

Nay, ông Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lê Văn C và vợ là bà Lê Thị M phải trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền gốc: 245.000.000 đồng ông Lê Văn C đã mượn theo giấy mượn tiền ngày 07/06/2020. Đồng thời ông T yêu cầu ông C, bà M phải trả lãi suất tạm tính từ ngày 07/6/2020 đến 3/8/2022 là 26 tháng x 2.500.000 đồng/tháng = 64.666.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 3/8/2022 là: 309.666.000 đồng và kể từ ngày 4/8/2022 ông C, bà M phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất thỏa thuận 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi trả xong khoản nợ trên.

- Bị đơn ông Lê Văn C trình bày:

Năm 2017, ông Lê Văn C mượn tiền của ông Nguyễn Đức T 3 lần, mỗi lần đều viết giấy nợ, cụ thể số tiền bao nhiêu thì ông C không nhớ, cũng trong năm 2017, ông T bảo ông C viết giấy nợ số tiền ông C đã nợ ông T sang cho ông Nguyễn Văn T (chuyển nợ từ ông T sang ông T). Ban đầu ông C không đồng ý việc chuyển nợ nhưng ông T nói ông T là em của ông T, cứ viết giấy nợ cho ông T với tổng số tiền của 3 giấy mượn tiền là 245.000.000 đồng nên ông C viết giấy nợ từ ông T sang ông T, số tiền nợ 245.000.000 đồng và không có thỏa thuận về lãi suất (giấy nợ này viết vào ngày tháng nào ông C không nhớ), ông T đã xé bỏ 3 tờ giấy nợ ông C đã viết cho ông T. Ông C xác định ông Nguyễn Đức T và ông Nguyễn Văn T không phải là một người.

Đến ngày 06/6/2020, ông T điện thoại báo cho ông C biết là ông T ở Thành phố Hồ Chí Minh không về được bảo ông C viết lại giấy nợ để ông T lấy tiền đưa cho vợ ông T đi chợ. Lý do phải viết lại giấy nợ vì giấy nợ cũ hai bên không có thỏa thuận về lãi suất, mặc dù ông C không mượn tiền của ông T nhưng do tin tưởng ông T và ông T nói cứ viết giấy nợ đúng với số tiền ông C đã nợ ông T, nên ngày 07-6-2020 ông C viết giấy mượn tiền mới thay cho giấy nợ cũ với số tiền nợ ông Nguyễn Văn T 245.000.000 đồng và thỏa thuận lãi suất 2.500.000 đồng/tháng, giấy nợ cũ ông T đã xé bỏ trước mặt ông C.

Nay, ông Lê Văn C không đồng ý trả nợ gốc, lãi cho ông Nguyễn Văn T như

ông T khởi kiện. Bởi vì: Giấy mượn tiền ngày 07/6/2020, số tiền nợ 245.000.000 đồng là chuyển nợ từ ông T sang ông T, thực tế ông C không nợ tiền ông T, ông C không nhận số tiền 245.000.000 đồng của ông T. Hơn nữa, trước ngày 07/6/2020 ông C đã chuyển tiền vào tài khoản của ông Nguyễn Đức T và ông Nguyễn Văn T rất nhiều lần để trả tiền gốc nên ông T phải tính toán và trừ số tiền ông C đã chuyển vào tài khoản của ông T và ông T. Sau khi trừ số tiền ông C đã chuyển cho ông T và ông T, nếu ông C còn nợ bao nhiêu thì ông C sẽ trả cho ông T.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị M trình bày: Bà không biết ông C vay tiền ông T, khoản nợ này không liên quan đến bà, bà không đồng ý cùng với ông C trả nợ cho ông T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Lê Văn C phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Văn T tổng số tiền gốc, lãi là 309.666.000 đồng, trong đó nợ gốc 245.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 03-8-2022 là 64.666.000 đồng và tiếp tục trả tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận được tính từ ngày 4-8-2022 cho đến khi ông C trả xong nợ. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T về việc buộc bà Lê Thị M cùng có nghĩa vụ trả nợ với ông C. Án phí bị đơn phải nộp theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:

Ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn C, bà Lê Thị M thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng vay tài sản đã được hai bên ký kết. Địa chỉ nơi cư trú hiện nay của ông C, bà M tại tổ 6, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý giải quyết vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về xét xử vắng mặt: Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ bà Lê Thị M tham gia phiên tòa nhưng bà M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Ông Nguyễn Văn T yêu cầu ông Lê Văn C, bà Lê Thị M phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 309.666.000 đồng, trong đó nợ gốc 245.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 03-8-2022 là 64.666.000 đồng và kể từ ngày 04-8-2022 tiếp tục trả tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi trả xong nợ cho nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn cung cấp bản gốc Giấy mượn tiền ghi ngày 07-6-2020, có nội dung: “*ông Lê Văn C mượn số tiền 245.000.000 đồng, tiền lãi 2.500.000 đồng, mục đích mua bán đất, thời gian mượn 4 tháng, kể từ ngày 07-6-2020 đến ngày 07-10-2020, ông C ký ghi họ tên, áp chỉ, tôi đã nhận đủ tiền 245.000.000 đồng*”. Về phía ông C công nhận giấy mượn tiền ngày 07-6-2022 do ông C viết, ký tên, áp chỉ ngón trỏ tay phải, ngón trỏ tay trái là của ông C, phía dưới góc bên phải của giấy mượn tiền ông C có ghi: “*Tôi đã nhận đủ tiền 245.000.000 đồng*”, ông C công nhận do ông C viết. Như vậy, có đủ căn cứ ông C có xác lập quan hệ vay tiền với ông T, được thể hiện tại giấy mượn tiền ngày 07-6-2020. Tại phiên tòa, ông C trình bày tại thời điểm ông viết giấy mượn tiền hoàn toàn trên tinh thần tự nguyện, không bị ai đe dọa, ép buộc, ông C có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự, giấy mượn tiền ghi ngày 07-6-2020 do ông C viết thể hiện đầy đủ thông tin cá nhân, số chứng minh nhân dân, số điện thoại, hộ khẩu thường trú, số tiền mượn, lãi suất, thời hạn mượn tiền, thời hạn trả nợ đã đảm bảo đủ điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự, do đó phát sinh việc thực hiện nghĩa vụ. Đối với lãi suất 2.500.000 đồng/tháng trên tổng số tiền gốc 245.000.000 đồng tương ứng $1,020\%/tháng = 12,24\%/năm$ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Ông C vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ tháng 6-2020 đến nay. Nay, ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn C phải trả số tiền nợ gốc, lãi nêu trên là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu bà Lê Thị M (vợ ông C) cùng trả nợ cho ông Nguyễn Văn T: Hội đồng xét xử xét thấy, tại giấy mượn tiền ngày 07-6-2020 do ông C viết có ghi tên bà M nhưng thực tế tại thời điểm mượn tiền bà M không có mặt, bà M không có ký vào giấy mượn tiền, bà M không thừa nhận có vay mượn tiền của ông T và bà cũng không biết ông C có vay tiền ông T, đồng thời ông C không thừa nhận đưa số tiền này cho bà M để chăm lo cuộc sống gia đình. Do đó, ông T yêu cầu bà M cùng ông C phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông T là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận mà chỉ buộc ông Lê Văn C phải có nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho ông Nguyễn Văn T.

[2.3] Việc ông Lê Văn C khai nại không đồng ý trả nợ gốc, lãi theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì ông C cho rằng đây là việc chuyển nợ từ ông T sang cho ông T, thực tế ông C không nợ tiền ông T. Hội đồng xét xử, xét thấy, Tòa án đã yêu cầu ông Lê Văn C cung cấp tài liệu chứng cứ về số tiền nợ gốc 245.000.000 đồng ông viết theo giấy mượn tiền ngày 07-6-2020 là số nợ ông C nợ ông Nguyễn Đức T chuyển nợ sang cho ông Nguyễn Văn T và cung cấp tài liệu chứng cứ về việc ông chỉ viết giấy mượn tiền chứ không nhận tiền mặt nhưng ông C không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho trình bày của ông. Hơn nữa, đối chiếu với các chứng từ ông C cung cấp cho Tòa án mà ông C chuyển khoản cho ông Nguyễn Văn T với số tiền 116.000.000 đồng thời điểm chuyển khoản từ tháng 6/2019 đến tháng 3/2020 không có giao dịch nào sau ngày viết giấy mượn tiền ngày 07-6-2020. Tại

phiên tòa, ông C cũng thừa nhận việc ông viết giấy mượn tiền nêu trên là đúng. Do đó, lời khai nại của ông C là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Đối với ý kiến của ông Lê Văn C trình bày: Trước ngày 07/6/2020 ông C đã chuyển tiền vào tài khoản của ông Nguyễn Đức T và ông Nguyễn Văn T rất nhiều lần để trả tiền gốc nên ông T phải tính toán và trừ số tiền ông C đã chuyển vào tài khoản của ông T và T. Sau khi trừ số tiền ông C đã chuyển cho ông T và ông T, nếu ông C còn nợ bao nhiêu thì ông C sẽ trả cho ông T. Xét thấy, các khoản tiền ông C chuyển vào tài khoản ông T là khoản tiền ông C nợ ông T trước đó, các giấy nợ gốc trước không còn do ông C đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Đồng thời, trong vụ án này, ông Lê Văn C không có đơn yêu cầu phản tố đối với số tiền trước ngày viết giấy mượn tiền (ngày 07-6-2020) ông đã chuyển khoản nhiều lần để trả nợ gốc cho ông T nên Hội đồng xét xử không xem xét, ông C có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn khởi kiện.

[2.5] Tòa án đã tiến hành xác minh nhưng ông Nguyễn Đức T không có mặt tại địa phương, theo ông C trình bày, hiện nay ông Nguyễn Đức T đang sinh sống ở thành phố Hồ Chí Minh, không có mặt tại Quảng Ngãi theo địa chỉ mà ông C đã cung cấp cho Tòa án, cụ thể ông T sinh sống chỗ nào thì ông C không biết, ông C không cung cấp được địa chỉ mới của ông Nguyễn Đức T cho Tòa án. Đối với số tiền ông Lê Văn C đã trả cho ông Nguyễn Đức T, ông C có quyền khởi kiện ông Nguyễn Đức T bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, 93, khoản 1 Điều 95, 144, 147, khoản 1 Điều 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 116, 117, khoản 1 Điều 119, 351, 357, 463, 466, 468, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T. Buộc ông Lê Văn C phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Văn T tổng số tiền gốc, lãi là 309.666.000 đồng, trong đó: Nợ gốc 245.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 03-8-2022 là 64.666.000 đồng. Kể từ ngày 04-8-2022, ông Lê Văn C tiếp tục trả

tiền lãi trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi ông Lê Văn C trả xong nợ cho ông Nguyễn Văn T.

2. Về án phí:

2.1. Ông Lê Văn C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 15.483.300 đồng.

2.2. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 7.250.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000343 ngày 06-01-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Kim Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Minh Tân Nguyễn Phùng Xuân Thu

Lê Thị Kim Loan